

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /2018/TT-BXD

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) cho các loại hệ thống thoát nước để làm cơ sở lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước áp dụng tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp) và khu dân cư nông thôn tập trung.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải; các tổ chức, cơ quan liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Khuyến khích các cụm công nghiệp, các làng nghề áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Nguyên tắc định giá dịch vụ thoát nước

1. Việc định giá dịch vụ thoát nước phải phù hợp với quy trình kỹ thuật, công nghệ xử lý; tiêu chuẩn, quy chuẩn; định mức kinh tế kỹ thuật về thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành; phù hợp với chất lượng dịch vụ và chế độ, chính sách của Nhà nước.

2. Giá dịch vụ thoát nước được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ của quá trình đầu tư và khai thác, vận hành của hệ thống thoát nước; phù hợp với điều kiện thực tế tổ chức dịch vụ, điều kiện hạ tầng kỹ thuật tại địa phương.

3. Giá dịch vụ thoát nước có thể được xác định riêng cho từng loại dịch vụ thoát nước (dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước; dịch vụ xử lý nước thải) hoặc cho toàn bộ dịch vụ thoát nước tùy theo nhu cầu sử dụng dịch vụ thoát nước và điều kiện tổ chức thực hiện dịch vụ thoát nước.

4. Giá dịch vụ thoát nước (bao gồm cả dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước và dịch vụ xử lý nước thải) được xác định thống nhất trên đơn vị là m³ nước thải, phù hợp với đặc điểm đầu nổi của hệ thống thoát nước.

Điều 3. Định giá dịch vụ thoát nước

1. Giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m³ nước thải được xác định theo công thức như sau:

$$Z_{TB} = \frac{C_T}{SL_T} \quad (1)$$

Trong đó:

a) Z_{TB} : là giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m³ nước thải bình quân (đơn vị tính: đồng/ m³);

b) C_T : là tổng chi phí dịch vụ thoát nước được xác định theo Điều 4 Thông tư này;

c) SL_T : là tổng khối lượng nước thải được thu gom, xử lý của hệ thống thoát nước (đơn vị tính: m³).

Đối với hệ thống thoát nước chung: tổng lượng nước thải được xử lý của hệ thống thoát nước bao gồm nước thải từ các hộ thoát nước và các loại nước khác xả vào hệ thống thoát nước. Trong đó khối lượng nước thải của các hộ thoát nước được xác định theo Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung nếu lắp đặt đồng

hồ đo lưu lượng nước thải thì lượng nước thải sẽ được tính theo đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Khuyến khích các hộ thoát nước (trừ nước thải sinh hoạt hộ gia đình) lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Khối lượng các loại nước khác (nước mưa, nước thải khác...) được tính toán, xác định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định hiện hành. Trong đó, khối lượng nước mưa trong hệ thống thoát nước chung được xác định dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành về mức thấm thấu và lưu lượng mưa bình quân để tính toán.

2. Giá dịch vụ thoát nước được xác định theo công thức sau:

$$G_{DVTN} = \{Z_{TB} + (Z_{TB} \times P)\} \quad (2)$$

Trong đó:

G_{DVTN} : là giá dịch vụ thoát nước;

Z_{TB} : là giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m³ nước thải bình quân;

P: là tỷ lệ lợi nhuận định mức và không vượt quá 5% trên giá thành của dịch vụ thoát nước;

3. Giá dịch vụ xử lý nước thải do hộ thoát nước (trừ nước thải hộ gia đình) trả cho đơn vị thoát nước được xác định tại công thức (2) nhân thêm hệ số K.

Hệ số K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng chất gây ô nhiễm, được xác định theo hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải (không phải là nước thải sinh hoạt) và dựa trên chỉ tiêu COD (mg/l) trung bình trong nước thải đo tại nguồn thải ra hệ thống thoát nước của từng hộ thoát nước. Hàm lượng COD được xác định căn cứ theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm hợp chuẩn. Hệ số K được xác định như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	151 - 200	1,5
2	201 - 300	2
3	301 - 400	2,5
4	401 - 600	3,5
5	> 600	4,5

4. Giá dịch vụ thoát nước xác định theo công thức tại Khoản 2 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Điều 4. Phương pháp xác định tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước

1. Tổng chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ thực hiện dịch vụ thoát nước bao gồm:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
1	Chi phí vật tư trực tiếp	C_{VT}
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C_{NC}
3	Chi phí máy, thiết bị trực tiếp	C_M
4	Chi phí sản xuất chung	C_{SXC}
	Tổng chi phí sản xuất	$C_P = C_{VT} + C_{NC} + C_M + C_{SXC}$
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	C_q
	Tổng chi phí	$C_T = C_P + C_q$

2. Nội dung từng khoản chi phí được xác định như sau:

a) Chi phí vật tư trực tiếp (C_{VT}) bao gồm chi phí của vật tư sử dụng trực tiếp để thực hiện việc duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư sử dụng nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng. Trong đó:

- Khối lượng vật tư sử dụng để duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành.

- Giá vật tư là giá đến nơi thoát nước và xử lý nước thải, phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật tư sử dụng; phù hợp với mặt bằng giá thị trường xác định theo công bố giá hoặc hóa đơn theo quy định pháp luật tại thời điểm lập phương án giá.

b) Chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}) bao gồm các khoản chi phí bằng tiền mà các đơn vị thoát nước phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản phụ cấp khác (nếu có), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo quy định đối với công nhân trực tiếp xử lý nước thải và duy trì hệ thống thoát nước, trong đó:

- Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng số lượng ngày công theo định mức hao phí nhân công trực tiếp cho công tác duy trì hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng. Đơn giá ngày công của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ thoát nước xác định theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) bao gồm tiền lương cơ sở và các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật.